|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN ĐẮK SONG  **TRƯỜNG TH NGÔ GIA TỰ**    Số: | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Đắk Song, ngày tháng 5 năm 2023* |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**ỨNG DỤNG CNTT VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022 – 2023**

# I. Tình hình chung (đặc điểm tình hình, thuận lợi, khó khăn):

**1. Thuận lợi:**

         Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ (cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh) có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

         Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ Sở GDĐT, Phòng GDĐT đến nhà trường. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua cũng đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn trường. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học,duyệt giáo án qua drive và VN.Edu và hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên đều vận dụng hiệu quả, tích cực.

          Về nhân lực, nhà trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Tin học được đưa vào giảng dạy bắt buộc ngay từ lớp 3 và 100% học sinh lớp 3 được học Tin học 01 tiết/ tuần; mô hình giáo dục STEM bước đầu giáo viên được tiếp cận, tiến tới dạy lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống.

          Về dạy - học, 100% giáo viên toàn trường sử dụng thành thạo CNTT; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường và của ngành giáo dục; tham gia làm bài giảng điện tử, tham gia xây dựng ngân hàng đề, câu hỏi trắc nghiệm, góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời.

**2. Khó khăn**

Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh vì vậy vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử…) còn mang tính tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

Trình độ tin học của CBGVNV còn hạn chế nên việc thực hiện UDCNTT còn gặp nhiều vất vả.

# II. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ

**1. Công tác chỉ đạo điều hành**

Thực hiện quyết định số 4725/QĐ - BGDĐT, ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc đánh giá mứ độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

Thực hiện theo công văn số 141/PGDĐT, ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song về việc khảo sát mức độ chuyển đổi số tại cơ sở giáo dục. Trường Tiểu học Ngô Gia Tự báo cáo kết quả sử dụng khai thác trang thông tin điện tử như sau:

Thực hiện Kế hoạch số 295/KH-PGDĐT, ngày 04/5/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song về triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các nhà trường năm học 2022- 2023, trường Tiểu học Ngô Gia Tự đã tiến hành tự đánh giá, mức độ chuyển đối số trong nhà trường theo quy định.

# 2. Một số kết quả nổi bật về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

Việc quản lý hồ sơ, sổ sách của cán bộ, giáo viên đã được đơn giản hóa bằng công nghệ thông tin.

Các dữ liệu của ngành giáo dục đã được cập nhật vào hệ thống phần mềm giúp cho cán bộ quản lý và giáo viên tiện lợi mà không rườm rà về mặt sổ sách.

# 3. Một số kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung | Trả lời | |
| **3.1.Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá** |  |  |
| **Kết quả triển khai hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp:** |  |  |
| Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS) |  | Không |
| Triển khai thi, kiểm tra, đánh giá trên phòng máy tính | Có |  |
| Tổng số học liệu (được người đứng đầu CSGD phê duyệt theo bậc học) hiện có bao nhiêu? | Số lượng |  |
| Học liệu năm học 2022-2023 xây dựng được: …. học liệu | Số lượng |  |
| 3.2. Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị CSGD và quản lý nhà nước về giáo dục |  |  |
| Triển khai phần mềm quản trị trường học | Có |  |
| Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử | Có |  |
| Triển khai chữ ký số | Có |  |
| Số giáo viên đã được cấp chữ ký số: …….. giáo viên | Số lượng | 03 |
| Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt |  | Không |
| 3.3. Hạ tầng, thiết bị phục vụ dạy tin học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số |  |  |
| Có mạng wifi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh | Có |  |
| Có phòng phát triển học liệu (phòng studio) | Có |  |
| Đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo mức nào (1, 2 hoặc 3) theo QĐ4725 | Mức | 1 |
| 3.4.Việc tổ chức triển khai công tác báo cáo thống kê CSDL |  |  |
| Báo cáo thống kê kỳ đầu năm (Đúng hạn, trễ hạn) | Đúng hạn |  |
| Báo cáo thống kê kỳ cuối năm (Đúng hạn, trễ hạn) | Đúng hạn |  |
| 3.5. Phát triển nguồn nhân lực số phục vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số | Số lượng | Tỉ lệ |
| -Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến | 32 | 100% |
| Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng e- Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số | 0 | % |
| Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị | 35 | 100% |
| Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin | 35 | 100% |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm tiêu chí** | **Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1)** | | **Mức đáp ứng cơ bản**  **(Mức độ 2)** | | **Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3)** | |
| Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % |
| **1** | **Chuyển đổi số trong dạy, học** |  |  | 75 | 75% |  |  |
| **2** | **Chuyển đổi số trong quản trị CSGD** |  |  | 72 | 72% |  |  |

1. Khó khăn, vướng mắc

Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh vì vậy vấn đề khai thác học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học liệu điện tử…) còn mang tính tự phát, chưa thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

Trình độ tin học của CBGVNV còn hạn chế nên việc thực hiện UDCNTT còn gặp nhiều khó khăn.

2. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị các cấp quản lý mở các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Cấp trên bổ sung nguồn kinh phí để đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số trong quản lý dạy học và quản trị nhà trường.

# 4. Dự kiến nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chính về triển khai ứng dụng CNTT năm học 2023-2024

Tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Tiếp tục đẩy mạnh khai thác CSDL ngành, các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân; thực hiện số hóa triệt để, sử dụng văn bản điện tử, tài liệu giấy; hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao dịch, họp, tập huấn được vân dụng tối đa trên môi trường mạng.

Tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng modul theo nhu cầu thực tế của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy- học, tạo cơ hội học tập cho giáo viên và học sinh.

Thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ việc dạy - học, kiểm tra, đánh giá, học sinh), tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số.

Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, an toàn thông tin cần thiết để tác nghiệp trên môi trường số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

# 5. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị các cấp quản lý mở các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kiến thức, kỹ năng CNTT, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Cấp trên bổ sung nguồn kinh phí để đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số trong quản lý dạy học và quản trị nhà trường.

***Nơi nhận:* HIỆU TRƯỞNG**

- Phòng Giáo dục và Đào tạo;- Lưu VT.

**Trần Đăng Quân**

**PHỤ LỤC**

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Kết quả hội đồng tự đánh giá (các trường Tiểu học và Trung học cơ sở)** | | | | | | | | | | | | | |
| **Chuyển đổi số trong dạy, học (100 điểm)** | | | | | | | **Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục (100 điểm)** | | | | **Điểm**  **Dạy học** | **Điểm**  **Quản trị** | **Tổng** |
| **Tên đơn vị** | 1.1 (có/không) | 1.2 (có/không) | 1.3 (30đ) | 1.4 (10đ) | 1.5 (20đ) | 1.6 (20đ) | 1.7 (20đ) | 2.1 (có/không) | 2.2 (có/không) | 2.3 (70đ) | 2.4(30đ) |
| 1 | Trường TH Ngô Gia Tự | có | có | 24 | 6 | 15 | 17 | 13 | có | có | 54 | 18 | **75** | **72** | **147** |